

Ngành : Bất động sản (Báo cáo gần nhất: [Link](#))

Khuyến nghị		MUA		CTCP Đầu tư kinh doanh nhà Khang Điền (HSX: KDH)	
				Triển khai dự án mới đảm bảo tiềm năng tăng trưởng.	
Giá hiện tại:	42,100	Ngày viết báo cáo:	10/05/2021	Cơ cấu cổ đông	
Giá mục tiêu trước đây	31,300	Cổ phiếu lưu hành (Triệu)	550	VIETNAM VENTURES LIM	5.1%
Giá mục tiêu mới:	N/A	Vốn hóa (tỷ đồng)	20,285	VIETFUND MANAGEMENT	3.5%
Tỷ suất cổ tức	0%	Thanh khoản bình quân 6 tháng:	6,128,170	VEIL HOLDINGS LTD	3.0%
Tiềm năng tăng giá	16.0%	Sở hữu nước ngoài	31.9%	VENNER GROUP LTD	2.2%

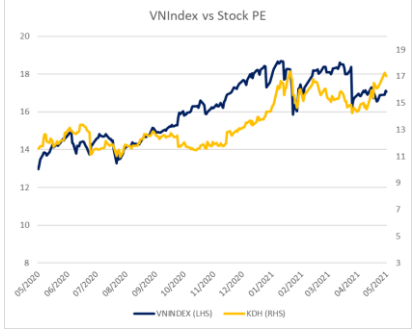
Chuyên viên phân tích ngành:
Phan Quốc Bửu
(Bất động sản, Khu Công Nghiệp, Bán lẻ)
buupq@bsc.com.vn

Chuyên viên phân tích kỹ thuật:
Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn
Giá khuyến nghị: 38,500 VND
Giá cắt lỗ: 30,200 VND

Bảng so sánh giá CP và VN- Index



Bảng so sánh P/E và VN index



	2020	2021F	Peer	VN-Index		2018	2019	2020F	2021F
PE (x)	18.2	16.6	16.4	17.1	Doanh thu	2,845	4,617	4,438	5,074
PB (x)	2.6	2.2	2.0	2.5	Lợi nhuận gộp	1,500	1,964	2,161	2,434
PS (x)	-	-	-	2.1	Lợi nhuận sau thuế	915	1,153	1,329	1,507
ROE (%)	14.2%	14.0%	15.0%	15.0%	EPS	1,597	1,893	2,181	2,474
ROA (%)	8.3%	8.4%	5.1%	2.4%	Tăng trưởng EPS	-14%	19%	15%	13%
EV/ EBITDA (x)	-	-	-	16.5	Nợ ròng/ VCSH	10%	23%	13%	13%

Định giá

- Chúng tôi duy trì khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu KDH và nâng giá mục tiêu lên mức 42,100 đồng dựa theo PP RNAV (+16.1% so với mức giá ngày 07/05/2021) do (1) Cập nhật mới danh mục dự án, (2) Điều chỉnh nâng giá định giá bán dự án đối với các quỹ đất tiềm năng khu vực Bình Tân, Phong Phú 2 và (3) Điều chỉnh giảm mức chiết khấu WACC = 11% cho các dự án do mặt bằng lãi suất giảm.

Dự báo kết quả kinh doanh

- BSC ước tính trong năm 2021, doanh thu và lợi nhuận sau thuế của KDH ước tính lần lượt đạt 4,438 tỷ đồng (-3.9% YoY) và 1,329 tỷ đồng (+15.0% YoY). EPS FW 2020 = 2,296 đồng. PE FW 2021 = 15.8 lần. Nguồn thu chính đến từ dự án (1) Safira, (2) Verosa Park, (3) Lovera Vista và (4) Dự án Amerna.

Quan điểm đầu tư

- Sở hữu quỹ đất có quy mô lớn ở khu vực nội đô chờ được “mở khóa”.

Rủi ro

- Kế hoạch mở bán các dự án bị chậm lại do vấn đề pháp lý và dịch Covid-19.
- Rủi ro chung ngành bất động sản (lãi suất cho vay, tính chu kỳ ngành)

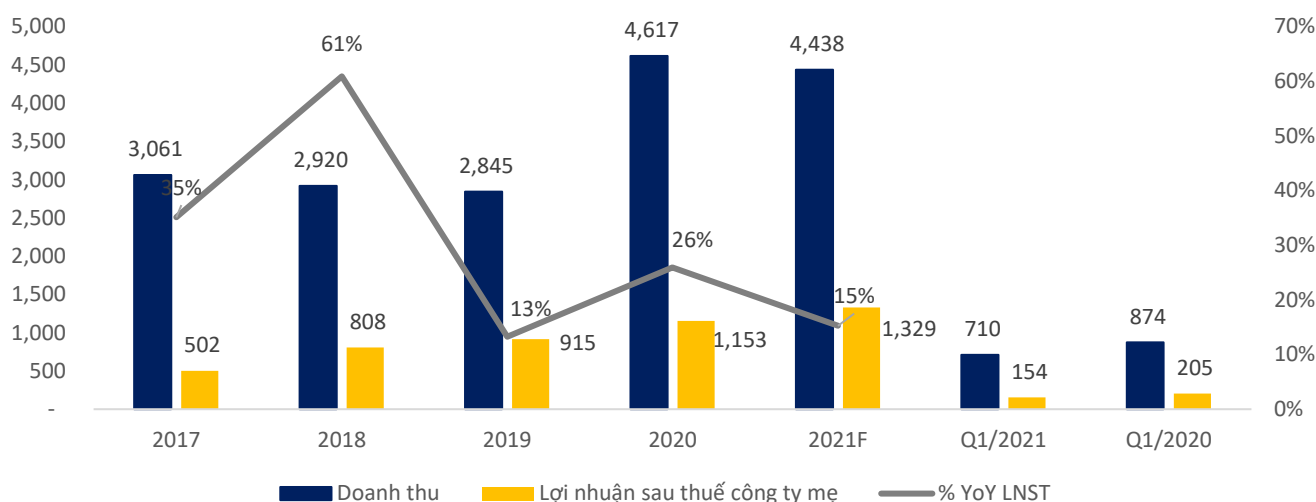
Cập nhật doanh nghiệp

- Kết quả kinh doanh 2020 tương đồng với dự báo của chúng tôi**, ghi nhận mức tăng trưởng 26% YoY, tương ứng lần lượt 125% và 97% dự báo doanh thu và lợi nhuận sau thuế của BSC.
- KDH đặt kế hoạch kinh doanh 2021 thận trọng ở mức tăng trưởng 4% LNST** công ty mẹ, công bố bổ sung thêm 3 dự án mới vào danh mục dự án.
- Kết quả kinh doanh Q1 lần lượt hoàn thành 17.4% và 17% kế hoạch** doanh thu và lợi nhuận 2021, điểm rơi lợi nhuận Q2/2021.
- Doanh số mở bán mới giai đoạn 2021-2022 sẽ được đảm bảo nhờ các dự án mới.** BSC ước tính tổng giá trị mở bán mới (pre-sales) của KDH năm 2021 và năm 2022 lần lượt ước đạt khoảng 2,153 tỷ đồng (-20% YoY) và 4,906 tỷ đồng (+27.8% YoY).

BÁO CÁO CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

Kết quả kinh doanh 2020 tương đồng với dự báo của chúng tôi, ghi nhận mức tăng trưởng 26% YoY. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế 2020 của KDH lần lượt đạt 4,617 tỷ đồng (+61.1% YoY) và 1,153 tỷ đồng (+26% YoY) nhờ vào bàn giao dự án trọng điểm Verosa Park và dự án Jamila. Kết quả kinh doanh của KDH trong năm 2021 tương ứng lần lượt 125% và 97% dự báo doanh thu và lợi nhuận sau thuế của BSC.

Biên lợi nhuận 2021 ghi nhận mức giảm từ mức 53.3% xuống mức 43.3% chủ yếu nhờ thay đổi cấu trúc sản phẩm bàn giao, trong đó chủ yếu là sản phẩm chung cư cao tầng có mức biên lợi nhuận gộp nhỏ hơn so với sản phẩm thấp tầng năm 2019.



Nguồn: KDH, BSC Research

KDH đặt kế hoạch kinh doanh 2021 thận trọng ở mức tăng trưởng 4% LNST công ty mẹ. ĐHCĐĐĐ thông qua kế hoạch 2021 với doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt ước đạt 4,800 tỷ đồng (+6% YoY) và 1,200 tỷ đồng (+4% YoY). Nguồn lợi nhuận chủ yếu được đóng góp chính từ việc bàn giao và chuyển nhượng (1) Dự án Saphira, (2) Dự án Verosa Park trong Q1/2021, (3) dự án Lovera Vista trong Q2 và Q3/2021 và (4) một phần của dự án Armenia tại Q9 (4,3ha – 180 căn nhà liên kế, biệt thự). Chúng tôi cho rằng kế hoạch trên tương đối thận trọng, việc hoàn thành vượt kế hoạch sẽ tùy thuộc vào tiến độ triển khai mở bán dự án Armenia – Q9.

Kết quả kinh doanh Q1 lần lượt hoàn thành 17.4% và 17% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận 2021, điểm rơi lợi nhuận Q2/2021.

Tỷ đồng	Q1/2020	Q1/2021	% YoY	Ghi chú
Doanh thu	701	836	19%	• Trong Q1/2021, doanh thu bất động ghi nhận mức tăng trưởng +19% YoY nhờ vào hoàn tất bàn giao phần còn lại của hai dự án (1) Saphira và (2) Dự án Verosa Park.
Lợi nhuận gộp	335	358	7%	
<i>Biên lợi nhuận gộp</i>	<i>47.8%</i>	<i>42.8%</i>		• Chi phí bán hàng ghi nhận mức sụt giảm chủ yếu đến từ việc giảm chi phí hoa hồng môi giới, chi phí quảng cáo do công tác bán hàng các dự án trước đó đã hoàn tất.
<i>Chi phí bán hàng</i>	<i>49.4</i>	<i>20.5</i>	<i>-59%</i>	
<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>48.3</i>	<i>50.9</i>	<i>5%</i>	
% Chi phí BH&QLDN/DTT	13.9%	8.5%		• Chi phí tài chính cũng giảm mạnh so với cùng kỳ nhờ vào giảm chiết khấu thanh toán
Chi phí tài chính ròng	(22)	(12)		
<i>Doanh thu tài chính</i>	<i>4.8</i>	<i>5.2</i>	<i>8%</i>	
<i>Chi phí tài chính</i>	<i>26.5</i>	<i>16.8</i>	<i>-37%</i>	
Lợi nhuận trước thuế	205	268	31%	
<i>Thuế TNDN</i>	<i>50</i>	<i>63</i>		
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	154	205	33%	
<i>Biên lợi nhuận ròng</i>	<i>22.0%</i>	<i>24.5%</i>		

Nguồn: KDH, BSC Research

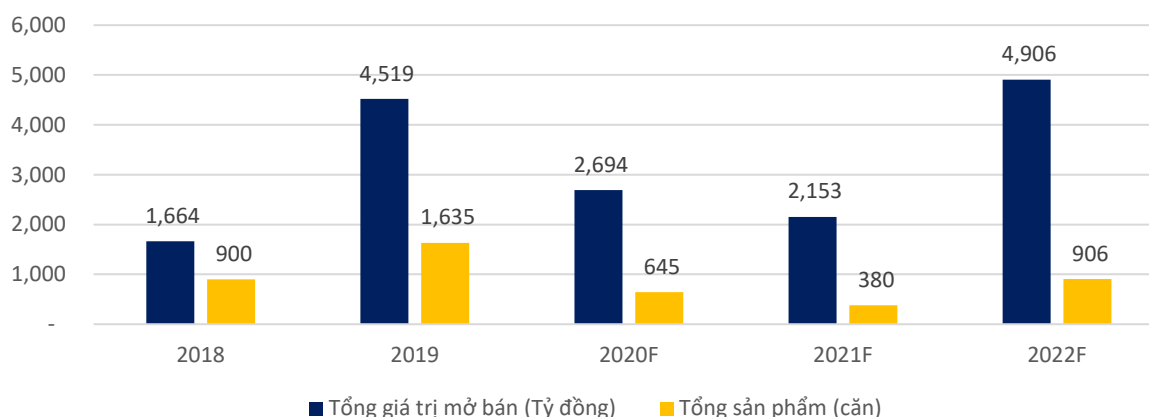
KDH công bố bổ sung thêm 3 dự án mới vào danh mục dự án. Như các đề cập trong báo cáo trước đó của BSC, ngoài 2 quỹ đất tại Thành Phố Thủ Đức (dự án Amera – Q9 và Clarita – Q2), KDH bổ sung triển khai thêm dự án chung cư với quy mô 1.8ha tại An Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, tương ứng với 1,000 sản phẩm.

Doanh số mở bán mới giai đoạn 2021-2022 sẽ được đảm bảo nhờ các dự án mới. Cụ thể, trong năm 2021, BSC ước tính tổng giá trị mở bán mới (pre-sales) của KDH đạt khoảng 2,153 tỷ đồng (-20.0 % YoY), được đóng góp chủ yếu từ dự án Armena và dự án chung cư Bình Tân (An Dương Vương).

Trong năm 2022, KDH sẽ tiếp tục mở bán các giai đoạn tiếp theo của ba dự án bao gồm (1) Armena (Q9), (2) Bình Tân và (3) Clarita (Q2), tổng giá trị mở bán của KDH năm 2022 ước đạt khoảng 4,906 tỷ đồng (+27.8% YoY). Số lượng sản phẩm mở bán ghi nhận mức thấp hơn giai đoạn 2018-2020 do thay đổi cấu trúc sản phẩm tập trung vào sản phẩm đất nền.

BSC cho rằng với việc (1) Giá bán dự án dự kiến sẽ ở mức cao trong bối cảnh quỹ đất có giá vốn tốt sau khi lên thành phố Thủ Đức và (2) Thương hiệu, uy tín của KDH, cũng như tốc độ bán hàng tốt đã được chứng minh trong vài năm gần đây sẽ là động lực thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận của KDH trong 1-2 năm tới.

Giá trị mở bán năm 2021F-2022F duy trì mức tích cực hỗ trợ triển vọng tăng trưởng lợi nhuận



Nguồn: BSC Research ước tính

KDH là số ít doanh nghiệp hiện đang sở hữu quỹ đất có quy mô lớn ở khu vực nội đô chờ được “mở khóa”. Theo chia sẻ ban lãnh đạo trong định hướng dài hạn, KDH cũng đang tích cực đẩy mạnh công tác đền bù cho các quỹ đất thuộc:

- Khu vực Bình Tân (Khu đô thị Tân Tạo có quy mô 329 ha). Đây là dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, phê duyệt 1/500 và đang trong quá trình đền bù. Lũy kế đến cuối năm 2020, KDH đã đền bù được 190ha. Tuy nhiên, việc đền bù còn gặp nhiều vướng mắc do hiện trạng đất đền bù còn đa dạng tương đối nhiều. Ngoài ra, việc giá đất tăng cao trong thời gian gần đây cũng khiến cho chi phí đền bù tăng mạnh so với trước đó.
- Bình Chánh (Phong Phú 2 – KCN Lê Minh Xuân có quy mô 109ha). Tương tự dự án KĐT Tân Tạo, KDH cũng đang trong quá trình giải phóng đền bù.
- BSC nhận thấy KDH cũng đang nỗ lực tăng tốc độ đền bù thông qua việc tăng lên của khoản mục (1) Trả trước để mua quyền sử dụng đất tăng lên 2,014 tỷ đồng Q1/2021 so với mức 1,244 tỷ đồng vào đầu năm 2020. Ngoài ra, ban lãnh đạo KDH cũng đang tìm kiếm đối tác để cùng phát triển dự án, nhằm đẩy nhanh tốc độ triển khai. Đây là những quỹ đất đã được KDH triển khai từ lâu với giá vốn tương đối tốt, chúng tôi nhận thấy xu hướng tăng nhanh giá đất ở khu vực phía Tây Nam sẽ tiếp tục

duy trì nhờ (1) trục giao thông kết nối các tỉnh miền Tây, vành đai 3 được tập trung đẩy nhanh tiến độ triển khai và (2) Dịch chuyển quỹ đất sang các khu vực ngoại thành do quỹ đất nội đô khan hiếm.

Bảng cập nhật tiến độ dự án và kế hoạch mở bán 2021

Dự án	Tiến độ xây dựng	Kế hoạch mở bán
Safira – Q9 	Đã bắt đầu bàn giao dự án từ tháng 7/2020.	Hoàn tất mở bán trong năm 2019
Lovera Vista 	Bắt đầu bàn giao từ Q2/2021	Đã hoàn tất mở bán trong năm 2020.
Verosa Park 	Hoàn tất bàn giao và ghi nhận doanh thu trong Q1/2021.	Đã mở bán thành công 270/296 sản phẩm sản phẩm, lũy kế đến cuối năm 2020. Đã hoàn tất trong Q1/2021.

Nguồn: BSC Research

BSC ước tính trong năm 2021, doanh thu và lợi nhuận sau thuế của KDH ước tính lần lượt đạt 4,438 tỷ đồng (-3.9% YoY) và 1,329 tỷ đồng (+15.0% YoY). EPS FW 2020 = 2,296 đồng. PE FW 2021 = 15.8 lần. Nguồn thu chính đến từ dự án (1) Safira, (2) Verosa Park, (3) Lovera Vista và (4) Dự án Amerna.

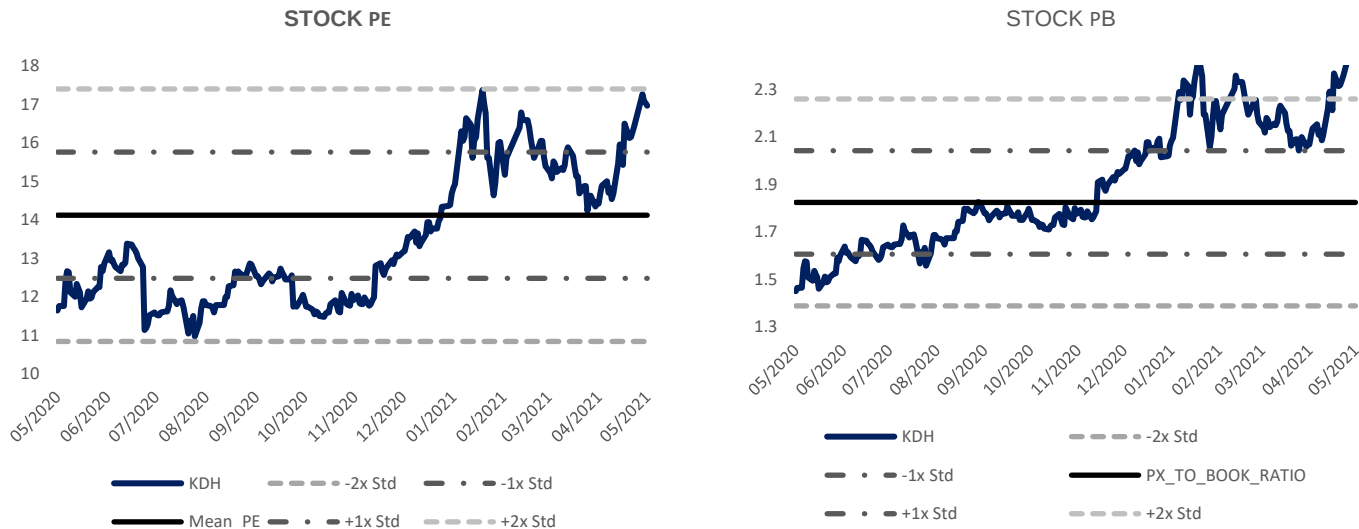
Đơn vị: Tỷ đồng	2017A	2018A	2019E	2020	2021F	2022F
Doanh thu	3,061	2,920	2,845	4,617	4,438	5,074
% YoY	-22.3%	-4.5%	-3.5%	61.1%	-3.9%	14.3%
Lợi nhuận gộp	1,036	1,239	1,500	1,964	2,161	2,434
% YoY	5.7%	19.6%	21.1%	30.9%	10.0%	12.6%
Biên lợi nhuận gộp	33.9%	42.5%	53.3%	43.3%	49.6%	48.9%
Chi phí bán hàng	109.7	99.3	115.4	247.0	177.5	202.9
Chi phí quản lý doanh nghiệp	133.9	158.1	162.3	169.4	199.7	228.3
% Chi phí BH&QLDN/DTT	8.0%	8.8%	9.8%	9.0%	8.5%	8.5%
Doanh thu tài chính	72.2	199.8	41.5	35.0	38.6	42.2
Chi phí tài chính	125.0	88.7	41.6	84.7	89.3	94.6
Lợi nhuận trước thuế	729	1,076	1,190	1,458	1,682	1,884
Thuế TNDN	216	269	295	338	353	377
Lợi nhuận sau thuế	502	808	915	1,153	1,329	1,507
%	25%	48%	11%	23%	15%	12%
EPS	1,495	1,952	1,681	1,992	2,296	2,604
Biên LN ròng	16.4%	27.7%	32.2%	25.0%	29.9%	29.7%
ROE	9.6%	11.8%	12.0%	14.2%	14.0%	13.7%

Nguồn: BSC Research

ĐỊNH GIÁ

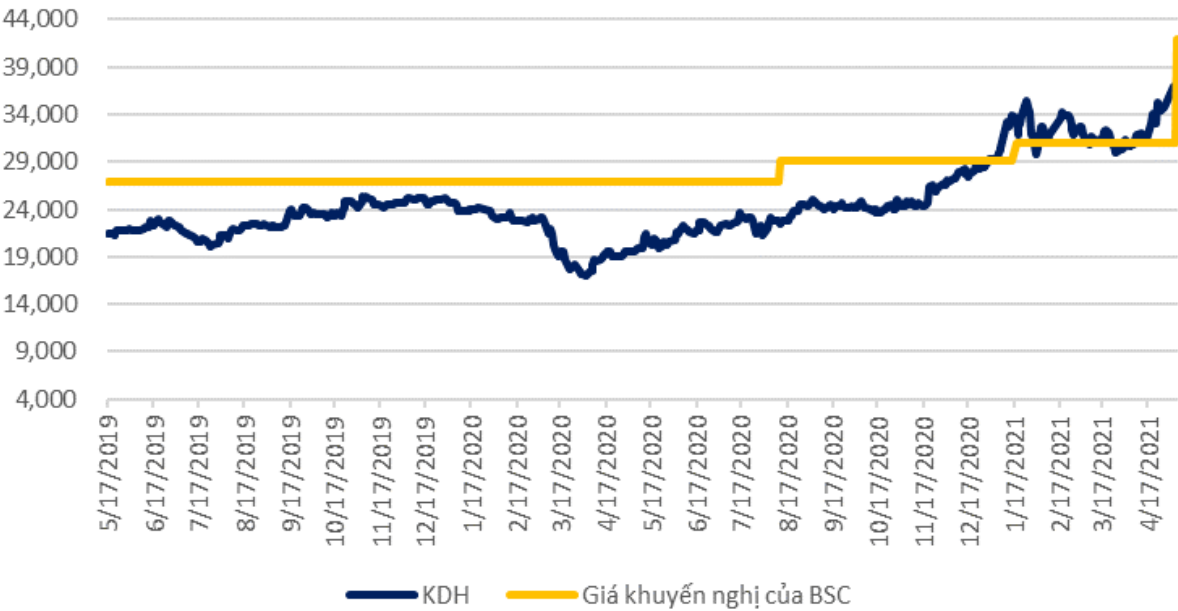
Chúng tôi duy trì khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu KDH và nâng giá mục tiêu lên mức 42,100 đồng dựa theo phương pháp RNAV (+16.0% so với mức giá ngày 07/05/2021) do (1) Cập nhật mới danh mục dự án, (2) Điều chỉnh nâng giả định giá bán dự án đối với các quỹ đất tiềm năng khu vực Bình Tân, Phong Phú 2 và (3) Điều chỉnh giảm mức chiết khấu WACC = 11% cho các dự án do mặt bằng lãi suất giảm.

VALUATION				
Tỷ đồng	Phương pháp	Tổng giá trị NAV	Tỷ lệ sở hữu	>KDH
Các dự án				
Lovera Vista	Chiết khấu dòng tiền	982	100%	982
Verosa Park	Chiết khấu dòng tiền	336	100%	336
Clarita	Chiết khấu dòng tiền	1,981	100%	1,981
Armena	Chiết khấu dòng tiền	1,364	100%	1,364
Dự án Bình Tân	Chiết khấu dòng tiền	1,321	100%	1,321
Khu dân cư Phong Phú 2	So sánh	3,536	100%	3,536
Khu đô thị Tân Tạo	So sánh	9,875	100%	9,875
Khu dân cư 11A	So sánh	1,870	100%	1,870
Khu CN Lê Minh Xuân	So sánh	1,566	100%	1,566
Khác	Giá trị sổ sách	348	100%	348
	Chiết khấu dòng tiền			
Giá trị hiện tại thuần				23,218
(+ Tiền mặt				1,836
(-) Nợ				1,845
Tổng giá trị NAV				23,208
Tỷ lệ chiết khấu rủi ro				23,208
Số lượng cổ phiếu lưu hành				550,806,579
Giá trị hợp lý				42,136
Giá cổ phiếu				36,300
Upside				16.08%
WACC	11%			



BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU SO VỚI KHUYẾN NGHỊ

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU SO VỚI KHUYẾN NGHỊ BSC



PHỤ LỤC

KQKD(Tỷ đồng)	2019	2020	2021F	2022F
Doanh thu thuần	2,813	4,532	4,357	4,980
Giá vốn hàng bán	1,313	2,568	2,196	2,547
Lợi nhuận gộp	1,500	1,964	2,161	2,434
Chi phí bán hàng	(115)	(247)	(178)	(203)
Chi phí QLDN	(162)	(169)	(200)	(228)
Lãi/lỗ HĐKD	1,223	1,547	1,783	2,002
Doanh thu tài chính	41	35	39	42
Chi phí tài chính	(42)	(85)	(89)	(95)
Chi phí lãi vay	(2)	-	(50)	(55)
Lợi nhuận từ CTLD/LK	-	-	-	-
Lãi/lỗ khác	(33)	(39)	(51)	(66)
Lợi nhuận trước thuế	1,190	1,458	1,682	1,884
Thuế thu nhập DN	(273)	(304)	(353)	(377)
LN sau thuế	917	1,154	1,329	1,507
CĐTS	2	2	-	-
LNST - CĐTS	915	1,153	1,329	1,507
EBITDA	1,232	1,558	1,844	2,072
EPS	1,597	1,893	2,181	2,474

CĐKT (Tỷ đồng)	2019	2020	2021F	2022F
Tiền và tương đương tiền	1,175	1,836	2,008	2,810
Đầu tư ngắn hạn	32	-	-	-
Phải thu ngắn hạn	3,778	3,529	4,320	4,938
Tồn kho	7,037	7,338	7,838	8,338
TS ngắn hạn khác	305	319	466	533
TS ngắn hạn	12,327	13,022	14,633	16,620
TS hữu hình	48	47	353	702
Khấu hao	9	11	61	70
TS dở dang dài hạn	629	695	695	695
ĐT dài hạn	100	60	60	60
TS dài hạn khác	23	17	36	42
TS dài hạn	910	913	1,238	1,592
Tổng TS	13,237	13,934	15,871	18,212
Nợ phải trả	696	242	242	242
Vay ngắn hạn	377	787	338	374
Nợ ngắn hạn khác	3,499	3,179	4,392	5,093
Tổng Nợ ngắn hạn	4,572	4,208	4,972	5,710
Vay dài hạn	405	1,058	902	998
Nợ dài hạn khác	596	510	510	510
Tổng Nợ dài hạn	1,001	1,568	1,412	1,508
Tổng Nợ	5,573	5,776	6,384	7,218
Vốn góp	5,444	5,787	5,787	5,787
Thặng dư vốn cổ phần	720	744	744	744
LN chưa phân phối	1,327	1,836	3,135	4,606
Vốn chủ khác	-	-	-	-
Cổ đông thiểu số	39	31	31	31
Tổng Vốn chủ sở hữu	13,237	13,934	15,871	18,212
Tổng nguồn vốn	19,874	23,489	25,454	31,152
Số lượng cổ phiếu lưu hành	544	579	579	579

LCTT (Tỷ đồng)	2019	2020	2021F	2022F
(Lỗ)/LNST	915	1,153	1,329	1,507
Khấu hao và phân bổ	9	11	61	70
Thay đổi vốn lưu động	(965)	(919)	(245)	(489)
Điều chỉnh khác	(123)	84	-	-
LCTT từ HĐ KD	(164)	163	1,144	1,088
Tiền chi mua TSCĐ	(235)	(48)	(366)	(419)
Đầu tư khác	126	60	-	-
LCTT từ HĐ Đầu tư	(201)	12	(366)	(419)
Tiền chi trả cổ tức	-	-	-	-
Tiền từ vay ròng	(186)	1,063	(605)	133
Tiền thu khác	(111)	(576)	-	-
LCTT từ HĐ Tài chính	(296)	486	(605)	133
Dòng tiền đầu kỳ	1,836	1,175	1,836	2,008
Tiền trong kì	(661)	661	172	802
Dòng tiền cuối kỳ	1,175	1,836	2,008	2,810

Chỉ số(%)	2019	2020	2021F	2022F
Khả năng thanh toán				
Hố TT ngắn hạn	2.7	3.1	2.9	2.9
Hố TT nhanh	1.2	1.4	1.4	1.5

Cơ cấu vốn				
Hố Nợ/TTS	6%	13%	8%	8%
Hố Nợ/VCSH	10%	23%	13%	13%

Năng lực hoạt động				
Số ngày HTK	1787	1021	1261	1159
Số ngày phải thu	359	294	329	339
Số ngày phải trả	73	22	33	29
CCC	2073	1294	1557	1469

Tỉ suất lợi nhuận				
Lợi nhuận gộp	53.3%	43.3%	49.6%	48.9%
Lợi nhuận LNST	32.2%	25.0%	29.9%	29.7%
ROE	12.0%	14.2%	14.0%	13.7%
ROA	6.9%	8.3%	8.4%	8.3%

Định Giá				
PE	21.6	18.2	16.6	14.7
PB	2.6	2.6	2.2	1.9

Tăng trưởng				
Tăng trưởng DTT	-3.5%	61.1%	-3.9%	14.3%
Tăng trưởng EBIT	24.5%	26.5%	15.3%	12.3%
Tăng trưởng LNTT	10.6%	22.6%	15.3%	12.0%
Tăng trưởng EPS	13.3%	26.0%	15.3%	13.4%

Nguồn: BSC Research.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10&11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84439352722
Fax: +84422200669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: +84838218885
Fax: +84838218510

<https://www.bsc.com.vn>
<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

